TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Diệu Huệ.

2/ Bà Lê Thị Tý.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Hoàng Phúc – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ lý số 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định xét xử số 690/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 555/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Kim Thị L, sinh năm: 1980. *(Có đơn xin vắng mặt)*

Thường trú: phường TD, thị xã HT, tỉnh TTH.

Tạm trú: đường NTL, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Bá T, sinh năm: 1975. *(Vắng mặt)*

Thường trú: phường TD, thị xã HT, tỉnh TTH.

Tạm trú: đường NTL, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Lê Bá T sau thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, cả hai đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TD, thị xã HT, tỉnh TTH và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển 01/2005 ngày 11/7/2005.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống, mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Đời

sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Lê Bá T.

Về con chung: có 02 con chung tên là Lê Kim C sinh ngày 03/02/2003 (Đã trưởng thành) và Lê Kim Bảo N sinh ngày 09/10/2012. Nay bà đề nghị được chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên là Lê Kim Bảo N, không yêu cầu ông Lê Bá T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần tiến hành triệu tập ông Lê Bá T lên để làm việc nhưng ông vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại bộ luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị L được ly hôn với ông Lê Bá T.

Về con chung: có 02 con chung tên là Lê Kim C sinh ngày 03/02/2003 (Đã trưởng thành) và Lê Kim Bảo N sinh ngày 09/10/2012. Giao người con chung tên Lê Kim Bảo N cho bà Kim Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Kim Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Kim Thị L và ông Lê Bá T đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/7/2005 tại Ủy ban nhân dân phường TD, thị xã HT, tỉnh TTH và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển 01/2005. Ông Lê Bá T cư trú tại địa chỉ đường NTL, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn nộp đơn ly hôn với bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập ông Lê Bá T đến Tòa án để tham gia phiên Tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Lê Bá T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa nên Tòa án nhân dân quận Bình Tân tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Bá T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Kim Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn có đủ cơ sở để xác định bà Kim Thị L và ông Lê Bá T đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/7/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển 01/2005. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Lê Bá T để tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng nhưng ông Lê Bá T vẫn cố tình vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông Lê Bá T không có ý muốn hàn gắn tình cảm gia đình nữa. Theo trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh không biết mối quan hệ hôn nhân giữa bà Kim Thị L và ông Lê Bá T. Qua các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện thì ông Lê Bá T không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm gia đình nữa do đó xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giải quyết cho bà Kim Thị L được ly hôn với ông Lê Bá T.

Về con chung: có 02 con chung tên là Lê Kim C sinh ngày 03/02/2003 (Đã trưởng thành) và Lê Kim Bảo N sinh ngày 09/10/2012. Bà Kim Thị L có yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Lê Kim Bảo N, trẻ Lê Kim Bảo N cũng có mong muốn được ở với bà Kim Thị L. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Lê Kim Bảo N là con gái nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ. Do đó chấp nhận yêu cầu trên của bà Kim Thị L.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Kim Thị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân là 300.000 đồng bà Kim Thị L tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm thu án phí, lệ phí số AA/2022/0010765 ngày 02/3/2022, bà Kim Thị L đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.*

- Về quan hệ hôn nhân: bà Kim Thị L được ly hôn với ông Lê Bá T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển 01/2005 ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân phường TD, thị xã HT, tỉnh TTH cấp cho ông Lê Bá T và bà Kim Thị L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: có 02 con chung tên là Lê Kim C sinh ngày 03/02/2003 (Đã trưởng thành) và Lê Kim Bảo N sinh ngày 09/10/2012.

Giao người con chung tên Lê Kim Bảo N sinh ngày 09/10/2012 cho bà Kim Thị L chăm sóc nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Kim Thị L không yêu cầu ông Lê Bá T cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2.Về án phí:

Án phí hôn nhân là 300.000 đồng bà Kim Thị L tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai tạm thu án phí, lệ phí số AA/2022/0010765 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Kim Thị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Tiến Trung